



TIẾNG NƯỚC TÔI

Minh-Nguyệt K17/1
(Nam Sinh Tín)

Ngoài trời bình minh tươi sáng, những tia nắng ấm toả xuống cảnh đào đang nở rộ màu hồng thắm. Đâu đây có tiếng chim hót líu lo trên cành cây như đón chào một mùa Xuân mới. Tôi đứng lên vươn vai, thở phào nhẹ nhõm, rời bàn giấy rồi đi vào nhà bếp pha ly nước. Trở về bàn với ly cà phê sữa nóng và một miếng bánh, tôi ngồi thong thả đọc lại thật kỹ bài Tiếng Nước Tôi mà tôi mới vừa viết xong.

Sống xa gia đình đã quá lâu, năm nay tôi về thăm ba mẹ tôi vào dịp Tết Nguyên Đán. Đi thẳng từ phi trường về, tôi bước vào nhà của ba mẹ tôi thì nhận thấy mọi vật trang trí đã thay đổi hẳn.

Tôi vội vàng đặt hành lý xuống sàn gạch và để túi xách lên bàn, rồi đi thẳng vào phòng đọc sách và nhìn ngay về phía bên trái. May quá! Khung hình có bài thơ “Tiếng Việt Nam Theo Dòng Thời Gian Quyết Không Rời Xa” vẫn còn treo nguyên ở trên tường. Tôi tiến đến gần hơn, đứng yên lặng nhìn khung hình mà lòng đầy cảm xúc. Tôi đã tận tụy học Việt Ngữ mãi cho đến bây giờ mới có thể viết lên hồi ức thuở tôi còn ở với cha mẹ. Tôi mong rằng, khi tặng mẹ tôi bài viết Tiếng Nước Tôi, mẹ tôi sẽ vui và mãn nguyện sau khi đọc.

*** TIẾNG NƯỚC TÔI ***

Tôi là một sinh viên Việt Nam đang sống ở hải ngoại. Nghe ba mẹ của tôi kể lại thì gia đình của tôi đã di cư ra nước ngoài từ lúc tôi mới lên bảy tuổi, lìa bỏ quê hương Việt Nam để thoát khỏi chế độ Cộng Sản. Tôi đã được nuôi nấng ăn học tại một tỉnh rất nhỏ, và chung quanh nhà tôi không có người đồng hương Việt Nam nào cư ngụ. Lúc đi học, tôi thường tiếp xúc bằng tiếng ngoại ngữ với các cô thầy và bạn học vì họ là người ngoại quốc với nhiều quốc tịch khác nhau.

Khi tôi lớn lên và học ở trường tiểu học, mẹ tôi thường xuyên khuyên bảo tôi phải cố gắng học tiếng Việt Nam. Tôi nào mẹ tôi cũng dành một ít thời giờ để dạy tôi đánh vần Việt Ngữ và học nói những câu tiếng Việt thật ngắn gọn. Vì nhà trường đã giao cho tôi những bài tập để mang về làm mỗi ngày, nên tôi không chăm chú học tiếng Việt Nam lắm. Mỗi lần nghe mẹ tôi gọi vào phòng đọc sách, là tôi luôn luôn uể oải đi vào, vì bị bắt buộc. Tôi cảm thấy học chữ Việt rất khó, vì có rất nhiều chữ đã bị đổi định nghĩa sau khi được kèm thêm dấu như Sắc, Huyền, Hỏi, Ngã, Năng.

Tôi không thể nào nhớ hết được những lời cắt nghĩa giảng dạy của mẹ tôi. Học hôm trước thì hôm sau tôi lại quên, và bị mẹ tôi bắt tôi phải chép chữ Quốc Ngữ nhiều lần lên trang giấy để có thể nhận diện chữ và nhớ hơn. Mẹ tôi thường mang những sách in và nhật báo ra và bảo tôi đọc Đầu Đề của những chương mục trong đó. Khi nào tôi bị khựng lại vì không biết cách đọc ra sao, mẹ tôi lại dạy tôi đánh vần và nhắc nhở tôi là phải ghi nhớ. Những lúc tôi nói chuyện với mẹ tôi bằng tiếng ngoại ngữ, mẹ tôi đã trả lời là không hiểu tôi nói gì, và thường bắt tôi phải cố gắng nhớ xem câu tiếng Việt nói ra sao, khi tôi nói sai, mẹ tôi lại sửa đổi cho tôi; và cứ như thế, mẹ tôi đã áp dụng mỗi khi tôi dùng tiếng ngoại ngữ.

Sau nhiều năm tập luyện bên mẹ tôi, nay tôi cũng đã biết nói và hiểu tiếng Việt. Ban đầu tôi còn tập viết và đọc chữ

Việt, nhưng tôi đã dần dần quên hẳn đi vì trong sinh hoạt hàng ngày tôi chỉ viết và đọc tiếng ngoại ngữ.

Ba tôi là một cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hoà, nên luôn đi tham dự những buổi Đại Hội được tổ chức hàng năm. Mỗi lần đi, ba mẹ tôi phải mua vé máy bay vì Đại Hội thường được tổ chức tại các thành phố lớn. Từ xưa tới nay, tôi chưa bao giờ đi theo ba mẹ của tôi cả, vì tôi có những sinh hoạt thể thao cùng các anh em họ và các bạn thân của tôi. Năm nay, nhân dịp đi dự một buổi tiệc Tất Niên, ba mẹ tôi muốn tôi đi cùng. Nghe mẹ tôi nhắc đến Tết, thì tôi chỉ có nhớ là thuở nhỏ tôi thường được li xì phong bao màu đỏ. Tôi nghĩ cũng nên đi thử một lần để có dịp đến thăm thành phố lớn, xem sinh hoạt ngày Tết Nguyên Đán nơi xứ lạ quê người, đồng thời vui hưởng năm mới cùng ba mẹ tôi.



Đường bay mất mấy tiếng đồng hồ, và cuối cùng chúng tôi cũng tới nơi. Bước ra khỏi phi cơ, tôi hít không khí trong lành của một buổi sáng đẹp trời vào đầu Xuân. Ngồi trong xe hơi đang chạy, tôi quan sát thành phố với những kiến trúc vĩ đại, đường xá thênh thang với rất nhiều xe cộ ngược xuôi, khác hẳn với tỉnh nhỏ heo lánh mà tôi đang cư ngụ. Khi về tới khách sạn, chúng tôi đã nghỉ ngơi để chờ đến chiều đi dự tiệc Tất Niên.

Khi đến buổi Dạ Tiệc, tôi cứ nghĩ là cũng sẽ có nhiều người ngoại quốc, nhưng tôi hoàn toàn rất ngạc nhiên vì hầu hết quan khách là người Việt Nam mà phần đông là các cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hoà, cùng gia đình và thân hữu. Ba tôi đã dẫn tôi đến và giới thiệu tôi vào ngồi cùng bàn với các anh chị em hậu duệ. Tôi rất vui vì được quen với họ và được gặp các bác các chú đã quen biết ba mẹ tôi từ cả nửa thế kỷ. Trong dạ tiệc, tôi nhận thấy ai cũng chào hỏi nhau rất vui vẻ bằng

tiếng Việt. Vì là tiệc Tất Niên, nên nhà hàng đã trang trí nhiều hoa Xuân như hồng, cúc, cành mai, và cành đào. Nhiều người đã mặc những bộ áo dài Việt Nam rực rỡ trông thật tuyệt đẹp.

Tôi cảm ơn mẹ tôi rất nhiều đã dành thời gian và công sức dạy tiếng Việt cho tôi trong bao năm qua, để tôi có thể nghe và hiểu được mọi người nói những gì, nhất là những lời ca và thoai kịch trong chương trình văn nghệ. Tôi ngồi cạnh một em hậu duệ khoảng 15 tuổi. Em đã chào hỏi tôi và cầm thực đơn chỉ vào số 5, rồi nói là em thích nhất món ăn này, tôi nhìn vào thực đơn mà chỉ mỉm cười không nói gì. Sau đó em đưa cho tôi một tờ giấy đánh máy chữ Việt, nói là bản nhạc, và yêu cầu tôi lên hát với ban hợp ca hậu duệ. Tôi không đọc được chữ Việt nên ngại ngừng từ chối khéo. Đến lúc ban tổ chức mời các hậu duệ lên hát, thì tất cả mọi người ngồi cùng bàn tiệc đi lên. Ngồi lại một mình, nhìn ban hợp ca hậu duệ trên sân khấu, tôi cảm thấy áy náy và tự trách mình sao hồi đó không chịu chăm chỉ học đọc và viết chữ Việt, để bây giờ mới tiếc là không thể chung vui cùng mọi người.

Sau buổi tiệc Tất Niên, gia đình tôi đã được các bác, bạn của ba mẹ tôi, hướng dẫn đi thăm các danh lam thắng cảnh của thành phố và thưởng thức những món ăn Việt Nam thuần túy mà tôi chưa bao giờ được ăn. Vào quán ăn, họ đưa thực đơn cho tôi, may quá bên dưới mỗi món ăn có dịch sang tiếng ngoại ngữ nên tôi mới hiểu mà chọn. Tôi quan sát thì thấy trên tường có những bảng nhỏ có hình món ăn, ngoài cửa thì họ dán những bảng lớn có hình ảnh các ca sĩ, toàn bằng chữ Việt, tôi không biết trên đó viết những gì. Mẹ tôi đã cắt nghĩa đó là những thực đơn đặc biệt để trên tường, còn ở ngoài cửa kính là quảng cáo cho những buổi Đại Nhạc Hội sắp tới.

Hội Chợ Tết được tổ chức ngay trong trung tâm thành phố của người Việt ty nạn Cộng Sản, có các gian hàng bày đủ loại như mứt, bánh trưng, giò chả, hoa quả, pháo đỏ, và phong bao lì xì. Đặc biệt có cả đội múa lân rất hay, có ban nhạc và ca sĩ trình bày nhạc xuân, rất đông người xem, quang cảnh thật vui

vẻ và náo nhiệt. Tôi rất vui mừng khi nghe ba mẹ tôi có ý định sẽ thu xếp cho gia đình tôi dọn sang đây, như vậy sẽ không buồn tẻ như đang sống ở một tỉnh nhỏ hẻo lánh.

Một tuần lễ trôi qua, chúng tôi đã trở về thành phố nhỏ với cuộc sống thường ngày. Với những kinh nghiệm qua chuyến đi này, tôi đã suy nghĩ rất nhiều. Ngồi trong phòng đọc sách, tôi đã tâm sự với mẹ tôi và hứa rằng kể từ nay tôi quyết tâm tận tụy trau dồi học thêm cách viết và đọc chữ Việt.

Mẹ tôi đã khuyên tôi như sau:

“Con ơi, tiếng Việt Nam, một chữ có thể có nhiều nghĩa, nhất là khi được gán chữ kép. Lại còn có những câu châm ngôn, ca dao, thơ phú. Nếu con có thời gian học hỏi thêm, con sẽ thấy thú vị khi con thông thạo hơn và con sẽ có thể đọc được tin tức thời sự trên nhật báo, những bài viết về lịch sử của nước Việt Nam, và các cốt truyện cổ tích rất hay. Mặc dầu đã có những tài liệu viết bằng tiếng Việt Nam được dịch sang tiếng ngoại ngữ, nhưng có khi câu văn Việt Nam rất thâm thúy, chưa hẳn đã được diễn tả đầy đủ hết ý nghĩa.”

Tôi lắng nghe mẹ tôi nói, mà ánh mắt vẫn nhìn vào khung hình treo trên tường phía sau mẹ tôi ngồi, trong đó có những dòng chữ mà tôi đã thuộc lòng, vì thuở nhỏ, tôi đã từng nhắc lại biết bao nhiêu lần mỗi khi mẹ tôi đọc to lên từng câu.

TIẾNG VIỆT NAM THEO DÒNG THỜI GIAN QUYẾT KHÔNG RỜI XA

TIẾNG *Việt mẹ hát à ơi*
VIỆT NAM *muôn thuở ngàn đời không quên*
THEO *chân mẹ dãi khắp miền*
DÒNG *đời phiêu bạt ôm niềm nhớ quê*
THỜI *thế biến chuyển trăm bề*
GIAN *truân khổ ải nào nề cuu mang*
QUYẾT *tâm bảo vệ giang san*

KHÔNG hề phản bội dân làng núi sông
RỒI quê luôn vững một lòng
XA xôi tiếng mẹ mãi còn trong tim

* * *

Khuyên con học tiếng Việt Nam,
Mẹ từng răn bảo con ngoan hằng ngày.
Con ơi, tiếng Việt rất hay!
Dấu Huyền Hôi Ngã Nặng thay nghĩa từ.

Con than chữ Việt khó ư?
Hãy siêng năng học khỏi thua mọi người.
Mai này giao dịch với đời,
Thông thạo tiếng Mẹ tuyệt vời lắm thay,
Nghe hiểu viết xuống liền tay,
Là điều thú vị ngắt ngây tâm hồn.
Vốn là giòng dõi Tiên Rồng,
Tiếng Việt lưu loát vẫn còn hay hơn.

Hãy cố gắng học nhe con,
Mẹ đây khuyến khích hoài mong thật nhiều.
Công lao học hỏi bao nhiêu,
Chuyên tâm năm tháng sớm chiều cũng xong.
Nhớ học Việt Ngữ thuộc lòng,
Mai này xử dụng bổ công miệt mài.



Trong Đám Rừng Sâu Trung Việt*

Võ Minh Hòa, K21

(Viết tặng các bạn cùng khóa, Khóa 21/ TVBQGVN.)

...

Rồi thời gian lại âm thầm trôi, sóng gió cũng ngưng đập, các sinh viên sĩ quan Khóa 21 lại bắt đầu miệt mài với chương trình học năm thứ nhất. Cứ một mùa văn hóa (chương trình bậc cử nhân) rồi đến mùa quân sự. Sinh viên được giảng dạy căn bản về chiến thuật, địa hình, các loại súng, đoạn đường chiến binh, quân phong, quân kỷ... Xen kẽ vào chương trình có những buổi tập thể chất, tập bắn súng, tập bơi lội, tập đánh kiếm, tập lái xe, các lớp học Nhu Đạo, Thái Cực Đạo, Quyền Anh. Tuy không còn những hình phạt “cực hình”, nhưng sinh viên vẫn phải theo một kỷ luật chặt chẽ, vẫn chịu sự kiểm soát của khóa đàn anh, cho đến khi nào họ trở thành “đàn anh” của khóa “đàn em”, nhưng... họ được đi phố cuối tuần!

Theo ngày tháng, Bàng sống quen dần với nếp sống quân trường, thao trường đồ mồ hôi với những thằng bạn “mày, tao, chi, tó” có cùng hoài bão. Họ hứa khi ra trường sẽ lập nhiều chiến công như bao khóa đàn anh, sẽ rày đây mai đó cho thỏa chí tang bồng hồ thỉ. Thế rồi Bàng cảm thấy yêu đời lính, yêu trường Võ Bị, yêu Đà Lạt, và chớm nở một mối tình với cô gái Đà Lạt, má hồng xinh xinh. Ngày đầu tiên ra phố, Bàng vô tình gặp người con gái ‘đó’ tại cửa tiệm bán đồ thổ sản. Chàng

thì lờ quờ không biết gì về thổ sản Đà Lạt, nhưng có nàng đã vui vẻ giúp chàng chọn những món hàng mà chàng muốn mua làm quà gửi về ba má. Bàng quen người con gái “đó”, tên Hoa, từ đó.

Thế rồi mỗi cuối tuần được xuất trại, Bàng luôn tạo cơ hội này, hay lý do khác để tìm đến thăm nàng. Nàng đẹp. Nàng vui vẻ dễ thương, chàng hiền lành dễ mến. Dần dà họ cảm thấy khăng khít nhau hơn, thân nhau hơn, nhớ nhau, thương nhau, và... họ đã yêu

nhau không biết từ lúc nào.

Bàng không có người thân sống trên Đà Lạt, nên chàng “cảm ơn em” đã đem đến cho chàng một hạnh phúc không ngờ, vì chàng không



phải là “Anh khách lại đi lên đi xuống, may mà có em đời còn dễ thương”.

Khu phố Hòa Bình của Đà Lạt nhỏ bé “đi năm ba phút đã trở về lối cũ”, nhưng có Hoa đi bên cạnh thì dù có “trở về lối cũ” cả trăm lần Bàng cũng không nhàm chán. Hoa cũng thế. Mỗi bước đi bên nhau là thêm một đoạn trên đường tình của hai người mà trong lòng họ hoa tình đang nở rộ. Đà Lạt lạnh và lấm sương mù. Lạnh đối với họ trong lúc này thật vô nghĩa, vì khi họ có bên nhau thì sự ấm cúng chan hòa giữa hai người, thật tuyệt vời êm ả. Sương mù lại là chất liệu thích nghi để tô vẽ thêm cho bức tranh tình của họ ngày càng thêm mộng mơ và lãng mạn. Họ chỉ gặp nhau vào cuối tuần, thật quá ít ỏi! Vì thế, họ tận hưởng những giờ phút bên nhau. Họ sợ giờ chia

tay sắp đến vì Bàn phải trở vô trường trước 6 giờ, để rồi họ nghìn trùng xa cách, phải đợi đến tuần lễ sau mới lại gặp nhau. Họ không muốn rời nhau nên cứ đi mãi, đi miết, cho đến khi bóng tà dương sục là về Tây, in dài bóng hai người trên những con đường trải ‘thảm’, bằng những sợi lông lá thông khô vàng rơi rớt.

Có khi trên những con đường với hai hàng cây anh đào chạy dọc hai bên mà họ tưởng chừng như một cặp tân lang và tân giai nhân đang đi giữa hai hàng quân giơ kiếm chào. Những cánh hoa anh đào rơi lất phất thay thế cho confetti óng ánh, mà mọi người đang rải tung lên trên người họ, để chào mừng ngày vui của đôi uyên ương. Mối tình của họ thật trong sáng như pha lê, thật đẹp đẽ như bất cứ loài hoa nào vừa chớm nở!

Hình như thời gian không phân biệt được lúc vui, khi buồn của con người để khi vui nó dừng lại, lúc buồn nó trôi qua nhanh. Thời gian cứ vô tình lặng lẽ trôi qua như bóng câu qua cửa sổ. Thấm thoát mà khóa của Bàn đã hoàn tất chương trình học năm thứ nhất, xong luôn cả khóa học Biệt Động Quân “Rừng, Núi, Sinh Lầy” tại Dục Mỹ. Giờ đây họ đang ở giai đoạn cuối của năm thứ hai. Chỉ còn khoảng hai tháng nữa là khóa của Bàn làm lễ mãn khóa. Họ đã “ngủ” thấy mùi hoa mai “thiếu úy” thoang thoảng đâu đây. Con ác mộng ra trung sĩ hay thượng sĩ coi như đã qua. Họ có thể phê đôi chút để cởi mở tâm tình với khóa đàn em là Khóa 22, bằng cách dành thi giờ “còn lại” để trao chuyện những “bí kíp”, những phong cách chấn chỉnh, mà Khóa 20 đã chân tình chỉ dạy cho Khóa 21.

Nay Khóa 21 truyền lại cho Khóa 22 để “huấn nhục” Khóa 23. Ấu cũng chỉ là kẻ đi trước người đi sau thế thôi. Khóa 21 đã bị Khóa 20 phạt dã chiến cả tiểu đoàn, chỉ vì “*Có người trong số các anh đã dám cả gan đứng đái ở Hồ Xuân Hương.*” Rồi đến Khóa 22 cũng bị Khóa 21 phạt dã chiến cả tiểu đoàn, chỉ vì có người “*đến bờ Hồ Xuân Hương để đứng đái.*” Và

chắc chắn trong số các anh Khóa 23, chưa lên nhưng sẽ lên trường, cũng sẽ có người ‘*khùng điên*’ cả gan “*đứng đái bờ hồ Xuân Hương*”. Lịch sử tái diễn từ khóa này sang khóa khác, khóa nào cũng có người đến bờ Xuân Hồ Xuân Hương để “*đứng đái*”.

Thời tiết đã bắt đầu sang Đông. Khóa 21, cũng như các khóa khác, đã nhập trường vào mùa Đông, giờ sắp giáp vòng trở lại mùa Đông thứ ba, mùa Đông ra trường. Hôm nay là ngày thứ Sáu, thời tiết khá lạnh. Chưa phải là ngày xuất trại nên Bàng và năm ba thằng bạn ngồi tụm lại uống trà, nói chuyện gẫu, hồi tưởng lại những sự việc đã qua, như những kỷ niệm khó quên trong đời. Câu chuyện đưa lần để rồi anh em nhắc lại thật vui về mấy ngày thực tập hành quân ‘*cấp tiểu đoàn*’, để chuẩn bị ra trường.

Hai tiểu đoàn 1 và 2 (Khóa 21) được chia làm hai phe. Mỗi phe được coi là ‘*địch*’ của phe bên kia. Mỗi tiểu đoàn lập ra ‘*bộ chỉ huy hành quân*’ (cùng các sinh viên trong Khóa 21), tận dụng tất cả những kiến thức học hỏi được trong suốt 2 năm huấn luyện, để phác họa một kế hoạch hành quân quyết ‘*tiêu diệt*’ gọn phía ‘*bên kia*’.

Cũng có vòng đai phòng thủ, chia gác, rải quân đóng chốt, phục kích, hành quân lùng địch chung quanh khu vực đóng quân. Rồi đến nửa đêm, ngày ‘*N*’, địch bắt đầu tấn công. Hai bên bắn xối xả vào nhau. Đại liên ‘*khạc*’ liên tục mà địch vẫn lì lợm dàn hàng ngang tấn công. Cuối cùng, một trận đánh xáp lá cà dữ dội xảy ra trên ngọn đồi nằm giữa hai phe. Khói... bốc lên ngùn ngụt, đủ màu xanh, đỏ, vàng, tím (khói màu).

Tiếng đạn mã tử (đạn giã) nghe ròn tan, làm các ‘*chiến sĩ ta*’ say mùi thuốc súng, nên rượt nhau giựt súng và lượm giày MAP (giày nhà binh bằng da), như chơi trò ‘*cút bắt*’... trên căn cứ hỏa lực! Kết quả chiến trường được báo cáo: Hai bên “*huề*” nhau, vũ khí còn nguyên vẹn, chỉ hơi tốn nhiều đạn mã tử, thương vong không có! Chiều đến hai phe ‘*rút quân*’ về

trường. Cả ‘ta’ và ‘địch’ tắm rửa sạch, rồi rủ nhau ra câu lạc bộ ‘khao quân’, hả hê đánh chén.

Sau này, có một số sĩ quan khóa đàn anh về thăm trường, kể lại cho sinh viên khóa đàn em còn đang thụ huấn, nghe về tinh thần sĩ quan mới ra trường. Cũng nhờ những trận đánh tấn công quân ‘địch’ bằng đạn mã tử, mà từ đó sau khi ra trường, các sĩ quan thiếu úy trung đội trưởng, xuất thân từ trường Võ Bị của chúng ta, đang đánh trận thiết, địch thiết, đạn thiết. Cái gì cũng thiết mà cứ tưởng địch dùng đạn mã tử, nên theo thói quen, hùng dũng đứng thẳng người tiến tới. Từ đó, lính trong đơn vị tỏ ra khâm phục. Rồi tiếng đồn lưu danh ‘muôn thuở’. Máy ông ‘sĩ quan Đà Lạt’ gan lì hết cỡ, họ xem cái chết nhẹ tựa ‘lông hồng’.

Lật bật mà ngày mãn khóa Khóa 21 gần kề. Họ vui mừng lắm. Bằng mời Hoa dự lễ tốt nghiệp mà không quên nhắc Hoa cũng đến dự “Đêm Truy Diệu”, cử hành đêm trước ngày mãn khóa. Hoa nhận lời với niềm hãnh diện bao la.

Đà Lạt vào mùa Đông thời tiết khá lạnh và luôn có sương mù. Đêm nay trên Vũ Đình Trường, sương mù dày đặc bay lòa xóa sát mặt đất. Vô tình sương mù đó đã lồng vào khung cảnh đêm truy diệu một cách tài tình, như có sự dàn dựng của “Ông Trời”.

Khi lễ truy diệu bắt đầu, toàn khu vực Vũ Đình Trường, nơi mà mỗi buổi sáng thứ Hai, sinh viên sĩ quan tập hợp làm lễ chào cờ, tất cả đèn đường được tắt tối thui, chỉ còn loe loét ánh sáng từ hai ngọn đuốc đặt tại “Đài Tử Sĩ”. Sương mù từng đợt bay thoáng qua một màu trắng xóa, làm ánh sáng từ hai ngọn đuốc lúc tỏ, lúc mờ, khiến toàn khu vực nơi làm lễ trông tựa như một bãi tha ma đầy ma chơi, bóng quế. Lại thêm tiếng gió từ đồi thông thổi dậy, rít ù ù từng cơn nghe như tiếng hú của những oan hồn còn vất vưởng đâu đây. Vũ Đình trường rộng lớn, hùng tráng hàng ngày giờ bỗng trở nên lạnh lùng, ma quái với những tiếng kêu than ai oán của những oan hồn, làm mọi

người nghe, thấy đến rợn tóc gáy.

Đêm nay trường Võ Bị làm lễ truy điệu để cầu xin anh linh của các bậc tiền nhân, oan hồn của những chiến sĩ vô danh, đã bỏ mình vì tổ quốc, về đây chứng giám phù hộ cho cho một đoàn trai ngày mai đây sẽ lên đường đi khắp các nẻo đường đất nước, “*từ con rạch nhỏ Đồng Nai, trong đám rừng sâu Trung Việt*”, hay trong “*cánh đồng chiêm Bắc Việt*”. Họ quyết nói gót đàn anh viết lên những trang sử hùng.

Lễ truy điệu diễn tiến thật trang nghiêm, thật nhẹ nhàng, như phảng phất anh linh của những bậc tiền nhân đang về chứng giám. Lễ truy điệu từng chập làm mọi người nổi gai ốc và làm nhiều người, trong đó có cả Hoa, dễ xúc cảm nên không ngăn được hai dòng nước mắt cứ tuôn trào bên khoe mắt. Họ rơi lệ theo bài thơ “Hồn Tử Sĩ” qua hai giọng ngâm, một nam và một nữ, thật ngậm ngùi ai oán:

“Lúc bấy giờ..

...

Mà chỉ khát khao gió mưa cùng nguy hiểm.”

Vâng! Ngày mai đây một đoàn trai trẻ sẽ hăm hở lên đường. Ngày ai đây, những thư sinh, chân yếu tay mềm của hai năm về trước, sẽ làm lễ mãn khóa dưới sự chủ tọa của vị Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia.

“Quyè Xuống Sinh Viên Sĩ Quan... Đứng dậy Tân Sĩ Quan!”

Họ là 200 tân thiếu úy thuộc Khóa 21, được đặt tên là “*Khóa Chiến Thắng Nông Thôn*”. Thế là những bông mai trên cầu vai của các Tân Thiếu Úy đã trở thành một rừng mai di động, mà một sớm một chiều đã nở rộ, vàng tươi cả Vũ Đình Trường.

Cha mẹ ôm choàng lấy con, người sĩ quan mới ra trường, với niềm hãnh diện vô ngần. Anh em tay bắt, mặt mừng. Người yêu quần quýt một bên và âu yếm, khẽ nói:

- “*Em hứa yêu anh đến trọn đời!*”

Hoa chạy đến ôm choàng lấy Bàng. Nàng vui sướng khôn

cùng. Mỗi cảm xúc và niềm hãnh diện đã không ngăn được hai giọt nước mắt của Hoa trải dài trên má. Nàng đã thổ lộ trọn cả tâm hồn của nàng với Bàng, trước sự chứng giám của ba má và anh em Bàng. Bàng đáp lễ hôn nhẹ lên mái tóc người yêu.

Sau tuần lễ nghỉ phép Bàng ra trình diện đơn vị, Sư Đoàn 22 Bộ Binh, và nhập cuộc ngay với những trận đánh thử thách của mình với địch. Mặc dầu miệt mài với chiến trận nhưng Bàng vẫn thường xuyên liên lạc với Hoa, qua những lá thư viết trên *ba-lô làm bàn*. Nhưng... *sợ thư tình không trọn nghĩa yêu đương*, Bàng thay *mực cho vừa màu áo tím*. Hoa nhận thư của Bàng đều đặn, hầu như mỗi tuần, có khi hai tuần một lá thư và nàng hồi âm mỗi lần nhận được thư.

Họ trao đổi nhau những lời yêu thương nồng cháy, nói cho nhau nghe những nhớ nhung vô tận, những nỗi buồn da diết, và họ luôn hứa cố gắng đợi chờ nhau cho đến một ngày được mãi mãi sống bên nhau. Bàng cũng hứa với Hoa khi nào chiến trường bớt sôi động, chàng sẽ xin vài ngày phép để về làm đám cưới với nàng.

Thế nhưng... cái gì tuyệt hảo, khóe léo thì càng “dễ vỡ”. Đó là một định luật tất nhiên vậy! Cả tháng nay Hoa không nhận được lá thư nào của Bàng, khiến nàng bồn chồn, sốt ruột, đứng ngồi không yên. Đến tháng thứ hai thư chàng vẫn biệt tăm. Nàng đâm lo âu, mất ăn mất ngủ.

Nàng hỏi thăm nhiều người, nhiều nơi nhưng cũng không thêm tin tức gì rõ ràng về Bàng. Nàng chỉ nghe phong phanh là đơn vị lớn của Bàng đang mở mặt trận giải tỏa áp lực của địch quân, đang có dồn lực lượng để tấn công Kontum. Nàng linh cảm như điều gì không may đang xảy ra cho Bàng, nhưng nàng chỉ biết âm thầm mà không biết thổ lộ cùng ai, vì giữa nàng và chàng chưa có gì là chính thức cả.

Rồi một hôm!

Qua những lá thư mà Bàng còn cất giữ, trên phong bì có địa chỉ của Hoa... Nàng vừa nhận điện tín của người bạn cùng

khóa, cùng đơn vị với Bàng, báo tin:

“/Bàng đã tử trận trong trận đánh xáp lá cà ở Căn Cứ 6 Hỏa Lực/ Quan tài được đưa về Sài Gòn vào ngày... tháng... lúc 10 giờ sáng!”

“Trời!” Hoa gào thét rồi bật khóc nức nở, miệng kêu to hai tiếng “Anh Bàng! Anh Bàng!” rồi gục đầu chết lịm trong đau khổ cùng cực.

Chiếc phi cơ Karibou chạm báng kêu ‘ken két’ trên phi đạo, theo trớn chạy tít cuối mãi đường bay, đoạn rẽ vào taxiway làm cái queo chữ ‘U’ và từ từ lăn bánh đến trạm hàng không.

Nơi đây, có một người con gái chít khăn tang đứng chờ từ lâu. Nàng để tang cho môi tình đầu dang dở, cho người yêu lý tưởng mà nàng chỉ được yêu trong ngắn ngủi, rồi phút chốc tan biến vĩnh cửu trong hư không. Nàng cúi đầu dấu những giọt nước mắt đang lưng lưng trên khóe mắt, rồi thầm trách ‘trời xanh quen thói má hồng đánh ghen’. Nàng khóc từng tiếng nghẹn trong lòng,

- “Anh Bàng! Anh Bàng ơi! Em đang chờ anh đây. Chúng mình sẽ làm đám cưới nha anh. Em sẽ mãi mãi chờ anh!”

Chiếc quan tài được chuyển xuống, từ cửa ra dưới bụng phi cơ. Quan tài phủ lá cờ vàng ba sọc đỏ, mang xác chết của Trung Úy Nguyễn Đại Bàng, vị sĩ quan trẻ tuổi, chòang ngang là một băng vải trắng viết bốn chữ “TỔ QUỐC GHI ÒN”.

Chiếc Karibou, đứng bất động, ‘nhìn’ theo quan tài mà sụt sùi khóc, thương tiếc cho anh lính trẻ, vì nó chở người thư sinh tên Bàng lên Đà Lạt, gia nhập trường Võ Bị Đà Lạt trước đây. Giờ chiếc Karibou lại chở Trung Úy Bàng trở về... với cát bụi.

Hoa chùi nước mắt, nhìn chiếc quan tài lần cuối rồi lặng lẽ lui thủi bỏ đi, miệng lẩm bảm bài thơ oan nghiệt, mà Hoa đã nhớ nằm lòng sau đêm lễ truy điệu.

“...Trong đám rừng sâu Trung Việt

*Phút chốc,
 Liệt vị đã trở nên người thiên cổ
 Sự nghiệp đang công đeo đuổi
 Thôi cũng đành gián đoạn nửa đường.
 ...”*

Nàng đi xa dần, xa dần, rồi chỉ còn thấy thấp thoáng như một bóng ma. Nàng hẹn chàng kiếp mai!!!

** Trích đăng từ Tuyển Tập “Tôi Còn Nhớ”.*

SVSQ Đại Đội C, Khóa 21 trước văn phòng đại đội, 1966.



HỒI KÝ

Chuyến Xe Định Mệnh.

Trần Xuân Hiền, Văn Hóa Vụ

Chiếc xe hành khách Air VN phải trở lại Đà Lạt vì chuyến máy bay DC4 lúc 3 giờ chiều bị hỏng máy. Sau 4 giờ chiều, an ninh con đường Liên Khương - Đà Lạt không còn an toàn nữa, nhưng hành khách chẳng ai quan tâm, miễn là được trở lại Đà Lạt ngủ một đêm với gia đình. Đường vắng vẻ, mặt trời đã khuất, ánh sáng vàng nhạt còn le lói trên các ngọn cây, chiếc xe Air VN chạy trên con đường uốn khúc giữa đồi núi, hai bên đường rừng thông xanh rờn và thẳng tắp. Khi chạy giữa 2 quả đồi, đường cheo leo theo sườn núi mà ở dưới là thung lũng sâu hoắm, hành khách không khỏi thoáng giật mình. Thỉnh thoảng một đôi chim cu rừng kiếm ăn giữa đường hoảng sợ cất cánh bay khi xe đến gần. Cảnh đồi núi Đà Lạt thật tuyệt vời và mê hoặc. Tôi đã đi qua đây nhiều lần, nhưng mỗi lần ngắm vẫn có cảm tưởng như lần đầu tiên. Tôi ngồi cạnh Nguyễn Tường Quy ở dãy ghế bên trái gần cuối xe. Quy là sĩ quan giảng viên khoa Điện mới chuyển lên trường Võ Bị non một năm. Thấy anh mặc bộ com lê màu xám nhạt rất thời trang, tôi mới hỏi,

- “Cậu đi phép sao mà ăn mặc bảnh thế?”

- “Em đi phép để làm lễ đính hôn.” Quy đáp lại, rồi hỏi, “Thế anh đi phép có chuyện gì?”

- “Tôi về Sài Gòn làm thủ tục đi du học Hoa Kỳ.” tôi đáp lại.

Sau một hồi chuyện vãn nhát gừng, tôi cũng như mọi hành khách ngả lưng tìm giấc ngủ. Bỗng tiếng xe thắng gấp, mở mắt ra tôi thấy chiếc xe đỗ sát bìa rừng, và trước mũi xe một tên bộ đội CS đội nón cối, lưng khoác một mảnh plastic màu lá cây, 2 tay ôm ghi cây AK. Anh tài xế quay lại nói,

- “Mời bà con xuống xe.”

Tôi chết đứng nhưng cố gắng giữ bình tĩnh và tìm cách dấu giấy tờ mang trong người. Chiếc xe hành khách Air VN loại mới, thành xe, ghé xe và sàn xe làm bằng sắt tây sơn kim khí, nên chẳng có một kẽ hở để dấu giấy tờ.

- “Anh Chín*, em có chiếc căn cước sĩ quan. Biết dấu đâu bây giờ?”

Quy hỏi khế, tôi chẳng biết làm sao trả lời vì tôi cũng đang tìm cách dấu tấm thẻ căn cước sĩ quan và tờ sự vụ lệnh.

Hành khách đã lần lượt bước xuống xe, tôi trì hoãn và định rút chiếc căn cước sĩ quan và tờ sự vụ lệnh xuống dưới gầm ghế như một số người, nhưng cứ sợ tên Việt Cộng đang đứng đầu mũi xe có thể trông thấy, nên lại thôi. Khi sắp bước xuống cửa xe, chẳng con cách nào khác, tôi quăng giấy tờ lên trên giá hành lý sát trần xe, rồi theo đoàn hành khách đi vào rừng dưới sự dẫn đường của một tên du kích.

Buổi chiều trời đã bắt đầu lạnh, tôi chỉ mặc chiếc áo chemise cụt tay, nên nghĩ thầm nếu Việt Cộng dẫn vào rừng sâu thì không chết đói cũng chết lạnh. Khi đến một khoảng rừng trống, tên du kích dừng lại và bảo tất cả ngồi xuống. Vừa khi đó có tiếng xe từ Đà Lạt đổ về, một hành khách la hoảng lên,

- “Xe quân đội Quốc Gia!”

Thấy vậy tên Việt Cộng lại dẫn mọi người đi vào sâu, nhưng cũng không cách con đường bao xa.

Vừa lúc mọi người ngồi xuống, một tràng AK nổ rang, Ai cũng nghĩ chúng đang bắn thủ tiêu, nên ai đều nằm rạp xuống đất. Qua phút hãi hùng thì nghe một tên Việt Cộng nói, “Súng cướp cò, đồng bào an tâm!”

Khi đó tôi mới thấy vài tên bộ đội đứng lơ nhố xung quanh, rồi tên chính trị viên mặc bà ba đen xuất hiện. Y, cao ráo, trắng



Hành khách đang lên máy bay của Air VN - DC4, tại phi trường Liên Khương (Đà Lạt, 1968).

bủng và giọng Bắc ngọt ngào, mở lời tuyên truyền.

Vừa lúc đó có tiếng cục cựa, nhúc nhích đằng sau. Một tên Việt Cộng, dường như trưởng toán hét lên, “Bây giờ ai còn nhúc nhích thì tôi bắn.” Giọng của y nghe rợn người.

- “Dạ, em xin dời chỗ vì ỏ kiến.” Anh lơ xe trả lời.

Màn tuyên truyền lại tiếp tục. Nghe lời đường mật của tên chính trị viên nên đã có ba người đứng lên nhận mình là lính. Họ đã bị đưa ra sau bụi cây.

Trong bóng tối âm u, Quy trong bộ com lê xám nhạt nổi bật như bóng ma dưới âm ty. Vì thế tên chính trị viên đã kiểm soát kỹ càng căn cứ. Tôi nghĩ thảm nếu Việt Cộng mà thảm vẫn

Quy thì thế nào tôi cũng bị lộ tung tích. Tôi ráng ngồi bình tĩnh và khăn vái ông bà phù hộ. Giây phút trôi qua chẳng thấy có việc gì xảy ra. Khi biết anh là sĩ quan giáo sư của trường Võ Bị Đà Lạt, chúng đã dẫn anh ra sau bụi cây.

Tên chính trị viên bắt đầu xét căn cước các người khác. Khi các tên du kích khác đang lục lọi chiếc xe thì một tên mang xuống một mớ giấy tờ nhật được. Tôi nghĩ thế nào cũng có tấm thẻ căn cước sĩ quan và tờ sự vụ lệnh của mình nên nín thở chờ đợi. May mắn không có tên tôi.

Khi đến lượt anh Lê Mộng Ngân (trong chương trình phát thanh tiếng sáo Tao Đàn), bút hiệu Tô Kiều Ngân, là Thiếu tá Phòng Tâm Lý Chiến, tôi nín thở lo ngại dùm. Nhìn anh Ngân dáng nghệ sĩ với đầu tóc hớt dài chải láng, nên tên chính trị viên chẳng chút ngờ vực.

Khi đến lượt tôi, y nhìn tấm căn cước vừa so với hình dáng tôi. Có lẽ tấm hình căn cước chụp đã lâu nên không còn giống tôi nữa, nên y tỏ vẻ nghi ngờ và hỏi,

- “Anh làm nghề gì, sinh ngày nào, sinh quán ở đâu?”

- “Tôi dạy học.”

Mặc dù tôi trả lời ngày sinh và quê quán đúng, y vẫn tỏ vẻ không tin. Y lật qua lật lại thẻ căn cước, rồi bỏ vào túi áo và qua hỏi người khác. Không khí căng thẳng, mọi người tỏ vẻ ái ngại cho tôi, còn tôi cố gắng ngồi bình tĩnh chờ đợi số phận.

Một tên du kích khác mang xuống một cái xách tay có vẻ nặng. Tên chính trị viên nhìn cái nhãn tên, rồi đọc lớn,

- “Ai là Tô Kiều Ngân?”

Không ai trả lời. Tôi nín thở nhìn anh Lê Mộng Ngân và lo ngại dùm cho anh, nhưng anh ngồi bình tĩnh. Chúng không biết đó là bút hiệu nên anh thoát chầu Diêm Vương, vì trong chiếc sách này chứa 2 cuốn phim tài liệu chống Cộng, một bộ quần phục, và chiếc nón kết. Còn tên chính trị viên thấy cái sách nặng thì có lẽ tưởng chứa vật gì quý báu, nên bảo xách ra

đàng sau liền mà chẳng thềm khám xét.

Trong đợt khám xét, đã có một đại tá Đại Hàn thoát nạn, không phải cật vấn chỉ vì chúng không biết là nước Đại Hàn đang gửi quân tham chiến ở VN chống CS.

Trời đã khuya, không khí bớt căng thẳng. Chắc nhờ tịch thu được nhiều đồ đạc hay sao, khi một vài ngọn đèn dầu hỏa được đốt lên, tên chính trị viên bất thần đến trao lại tôi chiếc căn cước ngoài sự hy vọng của tôi. Vừa lúc đó có tiếng pháo binh nổ từ xa, rồi ánh hỏa châu ửng sáng từ phía phi trường. Các tên Việt Cộng vội xúm lại bàn tán, rồi tên chính trị viên cho lệnh thu tiền ủng hộ cho bọn chúng.

Khi tiếng nổ nghe gần hơn, rồi có tiếng nhắc nhở của bọn chúng, “Khẩn cấp! Khẩn cấp!” tên chính trị viên và đồng bọn rút lui có vẻ hài lòng, sau khi vội vàng diều cợt vài lời. Tuy là lời diều cợt, nhưng tôi vẫn thấy lạnh cả xương sống.

Bỗng những tràng M.16 nổ vang, tất cả nằm rạp xuống, rồi một hành khách hét lên,

- “Chúng tôi hành khách Air VN đây.”

Ánh đèn bật lên, một viên trung úy xuất hiện nói,

- “Đồng bào an tâm! Quân đội đã đến tiếp cứu và giải vây.”

Anh lơ xe, đã lần lữa dời chỗ đến gần bụi cây và chạy trốn được khi nào không hay. Anh đã phi báo đồn Địa Phương Quân gần đó nên toán hành khách Air VN được giải cứu sớm.

* * *

Mọi người leo lên xe, khi xe bắt đầu nổ máy và bật đèn. Vị sĩ quan yêu cầu kiểm soát lại xem ai còn, ai mất thì mới hay 3 anh quân nhân và người bạn của tôi đã bị dẫn đi từ hồi nào không hay.

- “Trong số hành khách còn vài sĩ quan sống sót, xin Trung úy bảo vệ an toàn,” anh Lê Mộng Ngân quay lại nói với viên sĩ quan.

- “Cậu Chín, tôi mừng thấy cậu còn đây.”

Thấy tôi không bị dẫn đi mất anh Ngân ôm tôi mừng rỡ, rồi giới thiệu tôi với tất cả hành khách rằng tôi là sĩ quan VBQG trước sự khó tin của mọi người. Trên xe trước đây trong đám hành khách có 3 sĩ quan là anh Tô Kiều Ngân, Nguyễn Tường Quy và tôi, và 3 anh quân nhân. Nay chỉ còn lại anh Ngân và tôi.

Khi lên xe tôi đưa tay sờ lên giá hành lý trên đầu thì thẻ sĩ quan và tờ sự vụ lệnh của tôi vẫn còn đó. Thật là phước đức ba đời! Toán Địa Phương Quân dẫn đường chúng tôi trở lại sân bay Liên Khương để chờ chuyến máy bay ngày mai về Sài Gòn.

Tôi về Sài Gòn như người mất hồn vì cái chết kè gang tấc. Người bạn của tôi và các anh quân nhân bị Việt Cộng dẫn đi biên biệt. Gia đình các anh không khỏi héo hắt, mòn mỏi mong chờ tin tức. Cho đến nay họ đã trở về hay chưa, hay đã vùi thây mà không bao giờ thấy lại? Người lính VNCH sẵn sàng bỏ mình trên chiến trường không chút tiếc nuối, nhưng khi bị kẻ kịch đâm lén sau lưng thì thật đau thương vô cùng. Giá như hôm đó tôi bị dẫn đi mất thì vợ con tôi bây giờ ra sao?

Tôi vượt biên sang Mã Lai, được định cư ở Úc và sau đó bảo lãnh được vợ con. Thật là may mắn! Mỗi khi nhớ lại chuyện cũ tôi không khỏi xót xa, thương tiếc người bạn trẻ và 3 anh quân nhân... Vợ con và các bà mẹ già của các anh quân nhân này chắc khóc cạn nước mắt, cùng nỗi đau thương xé đứt ruột gan không làm sao nói được. Người bạn trẻ của tôi, thật là đau thương khó nói không cùng!

Khi ngồi trên xe, anh khoe với tôi tấm hình vị hôn thê nhan sắc dịu hiền và dễ thương. Tôi khen anh may mắn và xứng đôi vừa lứa. Anh đã kể cho tôi nghe mối tình thơ mộng giữa hai người. Khi đi chợ phiên gây quỹ yểm trợ chiến sĩ vùng hỏa tuyến ở trường Gia Long, tới gian hàng giải khát ăn ly chè đậu đá bột lọc, thì anh đã gặp nàng. Anh đã gặp cô nữ sinh

bán hàng tươi cười chào đón ăn nói dễ thương, như tưởng đã gặp nhau từ kiếp trước. Thế là anh bị tiếng sét ái tình ngay. Mọi tình chớm nở từ đó. Hai bên thề hẹn. Anh hứa sau khi tốt nghiệp kỹ sư điện anh sẽ xin làm lễ đính hôn. Nhưng vì biến cố Mậu Thân 68, tất cả sinh viên đại học sau khi ra trường được lệnh nhập ngũ. Sau khi mãn khóa Thủ Đức anh được phục vụ ở VBQG, nên bây giờ anh mới có thể làm lễ đính hôn. Anh cô trai, học giỏi là mẫu người yêu lý tưởng của các thiếu nữ Sài Gòn.

Hôm đó chắc vị hôn thê của anh ăn mặc lộng lẫy và hồi hộp sung sướng chờ đợi anh ở phi trường TSN. Đau đớn thay! Cô sẽ không bao giờ được gặp anh lại. Bốn thập niên trôi qua, người thiếu nữ đó bây giờ chắc đã lập gia đình, nhưng có lẽ không bao giờ quên được hình ảnh người yêu đầu tiên lỗi hẹn mà chẳng có một lời từ biệt.

Tôi nhỏ lệ xót xa ghi lại câu chuyện đau thương này.

** Ngôi thứ trong gia đình.*



An Khang Hạnh Phúc!



GIÓ THÉT MƯA GÀO HỒI CHIẾN BINH

Phạm Kim Khôi, K19

Thở ấy bút nghiên đem xếp lại
Vì nghe sông núi gọi lên đường
Tòng cơn cứu nước cơn nguy biến
Giặc Cộng lan tràn khắp xóm thôn

*Khi bọn tham tàn quyết tấn công
Quân ta đã sát cánh nhau cùng
Đánh tan lũ giặc thù xâm lược
Giữ lấy quê nhà nguyện ước chung*

Khói lửa chiến trường xương máu phơi
Vẫn truy sát giặc vẫn liên hồi
Quân đi xéo nát bụng biên địch
Phi pháo gầm lên hỏa cuốn trời

*Thế trận bồng tàn cay đắng không
Bao nhiêu huynh đệ đã oai hùng
Hy sinh báo quốc thiêng liêng quá
Đau xót anh em quận thất lòng*

Thở ấy sa trường chôn tử sinh
Chưa quên nghĩa vụ dấu quên mình
Nước đâu còn nữa đồng minh phản
Gió thét mưa gào hồi chiến binh.



MẾT ĐẸP NHẤT TRẦN GLAN

M.25

Chiến tranh VN đã trải qua hơn 40 năm, nhưng những nỗi thương đau dành cho những người xấu số vẫn còn kéo dài mãi cho tới ngày nay. Trải qua hơn bốn mươi năm, chị Bùi Thị Hương, phu nhân của CSVSQ Đỗ Văn Điền khoá 25 TVBQGVN, vẫn luôn khắc khoải muốn biết chi tiết liên quan đến tin đồn về chồng mình bị bắn chết trong tù.

Sau hai năm từ khi anh bị đi tù “cải tạo”, năm 1977, chị bị mất liên lạc với anh và chỉ được nghe tin phong phanh là anh đã vượt trại và bị CS bắn chết. Trong nhiều năm, chị vẫn cố gắng tìm hiểu manh mối và tin tức về người chồng xấu số. Với niềm tin rất mong manh và bầu vùi cuối cùng, chị vẫn tin rằng anh Điền còn sống sót.

Biết được nỗi bi thương mà chị Hương và gia đình đang phải gánh chịu, các bạn của anh Điền đều giúp bằng cách tìm kiếm các tin tức liên quan đến anh; nhưng tất cả cố gắng đều vô vọng. Cuối cùng, một người bạn cùng khoá đã báo cho chị Hương rằng có một người, đang định cư tại thành phố Westminster - California, biết rõ về tin tức chị mong tìm kiếm. Vào đầu năm nay, sau khi được cấp hộ chiếu nhập cảnh (visa) vào Hoa Kỳ và sắp xếp công việc nhà xong, chị đã bay đến để gặp ông Nguyễn Xuân Trường, người chứng kiến về cái chết của chồng mình.

Ông Trường và Điền vốn đã là bạn từ thời trung học. Bằng một thời gian không gặp sau khi tốt nghiệp Tú Tài, hai người tình cờ gặp lại để chờ làm thủ tục đi du học Hoa Kỳ. Nhưng khóa học của hai người bị hủy bỏ vì chương trình này không còn nhận được viện trợ từ Mỹ. Vì thế, hai người được lệnh trở lại đơn vị của mình. Năm 1975, sau biến cố bi thảm của miền Nam Việt Nam, họ gặp nhau tại Long Giao, rồi cùng chuyển về trại tập trung Kà Tum, cách biên giới Kampuchea khoảng hai cây số.

Vào khoảng đầu năm 1977, trong một lần đi làm “lao động ngoài rừng”, ông Trường đã gặp lại Điền và chỉ nói chuyện được vài câu, nhưng ông đoán là Điền đang tìm cách vượt trại. Một buổi chiều khoảng nửa tháng sau, trong trại tù có hung tin loan truyền:

- “Có người “cải tạo” gốc Võ Bị vượt trại bị bắn chết ngoài làng dân.”

Sáng sớm hôm sau, ông Trường và ba người khác được gọi đi chôn xác “tù nhân” vượt ngục! Tới trước cổng làng, ông Trường thấy có một tấm chiếu phủ xác hai người. Lật chiếc chiếu phủ mặt người, ông không khỏi xúc động rơi nước mắt khi nhận ra đó là Điền! Điền bị bắn chết và hai mắt vẫn còn mở. Là người Công Giáo, ông Trường làm dấu thánh giá phía đầu người bạn, rồi vuốt mắt anh Điền.

Sau đó, Ông Trường và ba người bạn tù đã chôn xác hai người bạn xấu số, ở gần trại Đồng Ban. Khi được hỏi có cách nào xác định được nơi chôn cất anh Điền thì ông Trường rất tiếc không thể chỉ rõ vị trí.

* * *

Chúng tôi, người viết bài này, là bạn cùng Khóa 25 với anh Điền. Khi nói chuyện với chúng tôi bằng điện thoại, qua giọng nói buồn thảm và đầy nước mắt, chị Hường đã kể chi tiết toàn bộ câu chuyện ghi nhận được từ ông Trường và tin rằng câu chuyện hoàn toàn chính xác. Hơn 40 năm, với niềm

tin thật mong manh, chị vẫn bầu víu tin rằng chồng của mình còn sống. Giờ đây, niềm tin kia đã hoàn toàn tan biến theo bọt nước. Trong nỗi cay đắng, tuyệt vọng tột cùng, chị đành chấp nhận sự thực phũ phàng là anh Điền đã ra đi vào miền quên lãng cách đây hơn 40 năm.

* * *

Vào cuối năm 1972, chị Hương lên xe hoa về nhà chồng, lúc chị vừa tròn 25 tuổi.

Sau ngày làm lễ mãn khóa của Khoá 25- ngày 15/12 năm 1972, anh Điền được về Sài Gòn học Anh Văn để chuẩn bị đi du học Hoa Kỳ. Chỉ được vài tháng, chương trình đi du học của anh bị hủy bỏ vì thiếu viện trợ. Sáu tháng sau, anh ra đơn vị trình diện Liên Đoàn 4 Biệt Động Quân. (Vào giai đoạn cuối, anh là Đại Đội Trưởng Đại Đội 3, Tiểu Đoàn 43 BĐQ.)

Kể từ đó, miệt mài theo đơn vị hành quân, anh rất ít có dịp gặp vợ. Hơn hai năm chung sống, anh chị chỉ được sống bên nhau chưa tròn 3 tháng, qua những lần anh về phép ngắn ngủi



Vào ngày 25/6/1975, như bao sĩ quan cấp úy khác, anh đi “trình diện” theo cái gọi là “học tập cải tạo”. Anh bị đưa đến trại tập trung ở Trảng Lớn - Tây Ninh. Sau mấy tháng, anh bị chuyển đến trại Cà Tum, Đồng Ban.

Năm 1976, VC cho đi thăm nuôi tù “cải tạo”. Vì thế, chị Hương lặn lội bồng bế hai con dại - cháu gái lớn 3 tuổi và cháu gái nhỏ 2 tuổi - đi thăm anh ở Cà Tum.

Không ngờ đó là lần cuối cùng chị và hai con gặp anh. Những tháng năm sau đó, thư của chị gửi cho anh đều bị trả

lại, ngoài phong bì có ghi là “đương sự không có ở đây”.

Linh tính báo cho biết có điều không lành đã xảy đến với anh, ngày đêm chị hoang mang và phập phồng lo sợ. Ngày tháng tiếp nối là khoảng trống bao la, với nỗi cô đơn và cuộc sống cùng khổ mà chị phải gánh chịu trong một xã hội thiếu cả miếng ăn và tình cảm giữa người đối với người!

Nhiều bạn cùng Khoá 25 của chồng chị nghĩ rằng anh Điền đã qua đời, gợi ý với chị nên chọn ngày cúng giỗ cho anh để vong linh được siêu thoát. Nói đến “ngày giỗ chồng” chị cảm thấy quá bẽ bàng và đau lòng vì chị không biết chồng mình sống chết như thế nào thì lấy đâu làm ngày giỗ? Và lại trong tiềm thức chị vẫn không tin anh Điền đã chết.

Mãi đến gần 20 năm sau, khi các con của chị cần giấy khai tử của ba mình để có đủ hồ sơ lý lịch xin việc làm. Chuyện chẳng đặng đừng, chị phải ra toà án làm giấy khai tử chồng mình. Từ đó chị lấy ngày toà án cấp giấy khai tử làm ngày giỗ cho chồng.

Hằng năm đến ngày này, chị đều mời đông đủ bạn bè cùng khóa của chồng ở Sài Gòn đến tham dự.

Về phía gia đình bên chồng, ba má anh Điền đã ly dị từ lâu. Mẹ anh đã lập lại gia đình và đã đi Mỹ, trong khi anh còn bà nội và người cha già. Chị xin phép ba mẹ ruột đón bà nội và ba chồng về ở nhà bên cạnh nhà mình để tiện việc chăm lo. Căn nhà này do má của chị mua chưa có ai ở.

Hằng ngày, chị phải lo chạy miếng ăn cho 7 người, gồm: bà ngoại, ba má ruột, hai con, bà nội chồng, và cha chồng. Lúc bấy giờ mọi thực phẩm đều phải mua theo tiêu chuẩn được phân phối. Phần cơm ưu tiên cho hai con đại; còn người lớn thì ăn bo bo, khoai lang, khoai mì.

Năm 1976, thời tiết bỗng nhiên lạnh chưa từng có, lại có thêm bão Lynda nên khí hậu càng lạnh hơn. Cơm không đủ ăn, áo quần không đủ mặc, nhà đông người không đủ mền đắp, chị phải gom góp những mảnh vải nhỏ để khâu lại làm mền

cho con. Cũng vào năm này, bà nội của chồng qua đời, một mình chị phải chạy ngược chạy xuôi lo đám tang cho bà trong khi nhà không có đủ tiền để lo miếng ăn hằng ngày.

Hai con chị chậm phát triển vì thiếu dinh dưỡng. Nhìn con đại ốm yếu, èo uột mà khóc thầm, chị quên thân mình lúc đó cũng “ôm như con mấm”- theo lời chị kể. Nhắc lại chuyện cũ, chị nói sao lúc đó bi thảm quá, giống như chuyện trong tuồng cải lương và không ngờ mình đã vượt qua!

* * *

Hồi tưởng lại vào năm 1977, khi nghe tin chồng trốn trại bị bắn chết, chị quá đỗi kinh hoàng hơn cả sét đánh bên tai, chị đã ngã quỵ xuống và khóc như mưa gió. Bao nhiêu cố gắng chịu đựng mấy năm nay với niềm hy vọng chồng mình sẽ có ngày về đoàn tụ gia đình, nay đã tan thành mây khói. Đối với chị, cả bầu trời như bị sụp đổ!

Khi bình tâm trở lại, chị muốn xác minh hư thực về cái chết của chồng ra sao, bèn đến “Bộ Công An” của Cộng Sản để hỏi thăm. Ở đây, bọn chúng chẳng những không cho biết tin tức mà còn trêu chọc nói những lời nham nhở:

- “Về lấy chồng khác đi em ơi. Hay là có anh đây nè, đừng có mong những tên đi học tập cải tạo trở về nữa, em ơi!”

Chị giận bầm gan tím ruột với lũ sâu bọ lên làm người, nhưng không thể trả lời.

Ban ngày chị mải lo chạy ngược chạy xuôi kiếm miếng ăn cho gia đình, nhưng mỗi lúc đêm về là chị khóc thầm. Chị thương xót hai con còn nhỏ dại đã mất cha và thâm thương phận mình chưa đầy tuổi 30 đã trở thành góa phụ!

Lúc này hai con của chị là lẽ sống, là chỗ dựa tinh thần của chị. Rồi chạnh nghĩ đến anh Điền, một người chồng bất khuất can trường, chị nhủ thầm: *“Không! Mình không có quyền gục ngã, mình phải truyền tinh thần bất khuất của chồng đến hai con. Mình phải đứng dậy, không có quyền buông xuôi.”* Với

hai con, có những lúc chúng tỏ ra mềm yếu, chị nhắc lại tấm gương can đảm của người cha để chúng vươn lên.

Vào cuối năm 2000 đến năm 2001 chị phải gánh chịu 4 cái tang: ba ruột của chị qua đời. 50 ngày sau; mẹ chồng từ Mỹ về bị bệnh chết không có thân nhân, chị phải đứng ra lo chung sự. Rồi 11 tháng sau, ba chồng mất và sau đó không lâu bà ngoại của chị mất. Bao nhiêu gánh nặng đều oằn lên vai người quả phụ ốm yếu!

Đúng là “hoạ vô đơn chí”, hay ông Trời muốn thử sức chịu đựng gian khổ của chị? Chị đã lo mọi chuyện chu toàn. Chị quả là một người phụ nữ phi thường!

Ngày ba chồng mất, chị thông báo đến các bạn cùng khóa



Anh Quốc - 26, anh chị Điền Hương - 25, anh chị Lương Liên - 26, không rõ tên, Tài -26, Mộc - 26 (từ trái)

của chồng đến phụ giúp. Các bạn cùng lo tẩm liệm và tiễn đưa linh cữu quản từ chùa Xá Lợi đến Bình Hưng Hoà để hỏa thiêu.

Chị cảm thấy thật ấm lòng khi nhận được những giúp đỡ từ các người bạn đầy nhân ái của chồng. Bạn bè cùng khóa của

anh Điền đều quý mến mẹ con chị. Trong những lần họp mặt chung, chị và hai con gái luôn luôn hiện diện.

Thời gian trôi qua rồi cũng ngời ngoai, trong đồng tro tàn đổ nát bỗng thấy nhựa hồi sinh. Chị Hương thấy vui khi hai con gái càng ngày càng khôn lớn, đẹp nét, và đẹp người. Các cháu học giỏi, ngoan, và rất có hiếu với mẹ mình. Hơn hai mươi năm sau, hai con của chị đã tốt nghiệp đại học và có chỗ làm vững chắc.

Vì không biết tin tức chính xác về cái chết của anh Điền, trong tâm tưởng của chị và hai con xem như anh vẫn còn sống. Chị chọn ngày sinh nhật của anh Điền (ngày 01/12/1946) làm ngày lễ tưởng nhớ, xem như anh vẫn còn hiện hữu trong tình thương yêu và kính phục của chị cùng hai con. Chị cũng mời tất cả các người bạn cùng khóa của chồng ở Sài Gòn đến tham dự lễ tưởng nhớ này.

Ngày nay tuổi của chị lớn, nhưng vẫn còn phảng phất vẻ đẹp của thời thanh xuân. Những ai có dịp tiếp xúc với chị, nghe giọng nói trong trẻo vui tươi và nhìn ánh mắt như đang mỉm cười của chị sẽ cảm thấy rất gần gũi như quen biết từ lâu.

* * *

Tôi còn nhớ cách nay cũng gần 20 năm, nhân ngày làm lễ tưởng nhớ vào ngày sinh nhật anh Điền, chị Hương mời các anh chị cùng khóa với chồng đến nhà dự tiệc chung vui. Trong lúc mọi người chuyện trò vui vẻ, bất ngờ con gái lớn của chị nói:

- Các Bác ơi! Mẹ con đã lớn tuổi rồi mà sao vẫn còn đẹp quá phải không các bác? Mẹ còn đẹp hơn cả hai chị em chúng con hiện giờ nữa đó!

Không thấy ai trả lời hay có ý kiến gì, cháu nói tiếp:

- Con thấy Mẹ con đẹp từ dáng người đến cả dung nhan, đẹp nhất là lúc nhìn thấy Mẹ cười. Bộ các Bác không thấy vậy sao?

Qua câu hỏi hồn nhiên vô tư của cháu gái, lúc đó người viết bài này muốn trả lời cháu lắm, nhưng trong phút chốc không thể nào nói lên hết được bao cảm nghĩ của mình về Mẹ của cháu mà mình từ lâu rất trân trọng và cảm phục. Hơn nữa, ở tuổi đời của cháu còn quá nhỏ, nếu có nói chắc cháu cũng chưa hiểu và thông cảm hết được.

Chị Hương, một người quả phụ trên tuổi 25, đầu đã có hai con nhưng nhan sắc mẫn mòi đầy sức sống, như đoá hoa đang nở ngát hương, biết bao nhiêu ong bướm chập chờn tìm đến. Từ ngày lấy chồng, thời gian sống chung chưa được ba tháng, những năm tháng dài cô đơn gổi chiếc cần hơi ám người tình...

Một người phụ nữ trẻ đẹp như chị chắc chắn sẽ có nhiều người đàn ông tìm đến xin chấp nối. Nếu chị bước thêm bước nữa thì đó là chuyện thường tình.

Vào tuổi 25, chị lấy chồng, vốn là người lính trận. Thời gian sống đời vợ chồng là những lần anh được về phép ngắn ngủi, tính ra tổng cộng ở bên nhau chưa được 3 tháng. Từ ngày mất anh, chị Hương vẫn ở vậy nuôi con.

Đặc biệt năm 1975, từ khi chồng đi ở tù “cải tạo”, chị xin phép cha mẹ ruột đón bà nội và ba chồng về ở nhà bên cạnh nhà mình để tiện việc chăm lo. Chị đã tận tụy lo từ miếng ăn đến thuốc thang suốt trên 25 năm ròng rã, cho đến khi cả hai người qua đời.

Là con hay cháu ruột lo được như vậy không có gì lạ, nhưng chị là một nàng dâu mà chồng đã mất tích gần 25 năm. Chị quả là một người phụ nữ phi thường và tiết hạnh hiếm thấy trên đời.

Chị Hương không nghĩ hạnh phúc riêng tư mà hy sinh cả tuổi thanh xuân để lo cho gia đình mình, gia đình bên chồng và lo cho hai con nên người, thủy chung với mỗi tình sớm gầy đở. Đặc biệt chị luôn gìn giữ tình yêu thủy chung bất diệt dành cho anh Điền - một người chồng mẫu mực và can trường. Dầu anh không còn hiện diện trên cõi đời này nữa nhưng sẽ không

có hình bóng người đàn ông nào khác có thể điền vào chỗ trống đó được.

Đức hạnh và tâm lòng trung trinh tiết liệt như chị thật hiếm thấy trên cõi đời này!

Để trả lời câu hỏi của cháu gái ngày đó về sắc đẹp của Mẹ mình.

Cháu gái ơi! Sắc đẹp theo thời gian sẽ tàn phai, còn nét đẹp tâm hồn thì không bao giờ phai mờ được và tiếng thơm vẫn còn giữ mãi. Mẹ cháu là một người phụ nữ chẳng những đẹp dung nhan mà luôn cả tâm hồn, một mẫu người đẹp cao quý khó tìm thấy trong một xã hội mà con người chỉ biết sống vị kỷ; còn tiết hạnh, nhân phẩm và đạo đức là những gì xa vời vợi.

Mãi đến hôm nay Bác mới trả lời cháu, mong có cơ duyên hai cháu đọc được bài viết này. Chắc hẳn các cháu sẽ vô cùng hạnh phúc, luôn cả niềm hãnh diện khi biết mình có được một người Mẹ có **NÉT ĐẸP NHẤT TRẦN GIAN**.

